

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 367/2019/TLST-VDS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Phan Thị Hiếu T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số K341/65, đường N, Tổ 65, Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ông Phạm Minh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số K341/65, đường N, Tổ 65, Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hiếu T và ông Phạm Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 028/04 ngày 01/03/2004. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hôn nhân của ông T và bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Bà Phan Thị Hiếu T và ông Phạm Minh T có 02 con chung là Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 19/12/2001 và Phạm Thảo T, sinh ngày 05/3/2015. Sau khi ly hôn, bà Phan Thị Hiếu T và ông Phạm Minh T thống nhất con chung Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 19/12/2001 và Phạm Thảo T, sinh ngày 05/3/2015 giao cho mẹ là bà Phan Thị Hiếu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Minh T và bà Phan Thị Hiếu T thống nhất ông Phạm Minh T cấp dưỡng cho con chung là cháu Phạm Thảo T, sinh ngày 05/3/2015 mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Đối với con chung Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 19/12/2001 bà Phan Thị Hiếu T không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Hiếu T và ông Phạm Minh T mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đ phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (10/7/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hiếu T và ông Phạm Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 19/12/2001 và Phạm Thảo T, sinh ngày 05/3/2015 cho mẹ là bà Phan Thị Hiếu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Minh T cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Thảo T, sinh ngày 05/3/2015 mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2019 đến khi cháu Phạm Thảo T đủ 18 tuổi.

Đối với con chung Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 19/12/2001 bà Phan Thị Hiếu T không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được quyền cản trở ông Phạm Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị Hiếu T và ông Phạm Minh T mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ

phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0034227 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường C, Tp. T, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Võ Thị Thu T